

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP số 01A/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP, bao gồm các nội dung sau:

- Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát;
- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- Hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Quan hệ giữa Ban Kiểm soát với cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban trong Công ty;
- Khen thưởng, kỷ luật và lợi ích của Ban Kiểm soát

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng thống nhất cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP và các công ty con

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt



VCP: Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
HĐQT: Hội đồng quản trị của VCP
BKS: Ban Kiểm soát của VCP
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông của VCP
KSNB: Kiểm soát nội bộ

CHƯƠNG II CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định tại quy chế này.
2. Ban Kiểm soát có số thành viên tối thiểu 03 người trong đó 01 người là Trưởng Ban. Trưởng Ban kiểm soát do BKS bầu trong số các Kiểm soát viên theo nguyên tắc đa số. Ít nhất một nửa số Kiểm soát viên phải thường trú tại Việt Nam.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận Kiểm toán nội bộ, bộ phận tư vấn, tham mưu giúp việc trực thuộc Ban Kiểm soát.
4. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên (BKS) không quá 05 năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 4: Tiêu chuẩn và điều kiện bầu, bổ nhiệm Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền kề gần nhất;
- Có bằng đại học trở lên, được đào tạo tại một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Thành viên BKS chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại công ty.

Điều 5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- BKS do ĐHĐCĐ bầu, các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 6. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

BKS có các nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Điều lệ Công ty, chủ yếu là các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

6.1 Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

- BKS thực hiện giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống KSNB, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- Xem xét sổ sách kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán;
- Xem xét Thư quản lý của kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Xem xét báo cáo kiểm toán của kiểm toán nội bộ, đơn vị tư vấn về hệ thống KSNB, quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp;
- Đề xuất với ĐHĐCĐ Công ty khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích, hoặc kỷ luật đối với những tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm kỷ luật làm thiệt hại đến quyền lợi hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty;

6.2. Quyền của Ban Kiểm soát

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty;
- BKS có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao; Công ty có trách nhiệm ký Hợp đồng và thanh toán chi phí với tư vấn độc lập do BKS chỉ định để phục vụ công việc theo nhiệm vụ của BKS
- Được cung cấp tài liệu, thông tin cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT;

04-
Y
IN
G V
YONG
P
Đ H

- Được HĐQT và Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát;
- Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được quyền yêu cầu lãnh đạo các phòng ban chức năng, các đơn vị thành viên của Công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát.
- Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc;
- Tham khảo ý kiến các thành viên HĐQT về hoạt động của BKS cũng như nội dung báo cáo của BKS trước khi trình ĐHĐCĐ;
- Trường hợp phát hiện ra các vi phạm về tài chính của các chức danh do ĐHĐCĐ hay HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, BKS có quyền kiến nghị với người có thẩm quyền xử lý ra quyết định kỷ luật, bãi miễn, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các cá nhân vi phạm;
- Đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ trong một số trường hợp theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Điều 7. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Trưởng BKS, ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty do mình thực hiện. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý với những sai phạm sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm;
3. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập họp BKS bất thường khi xét thấy cần thiết;
4. Kiểm soát viên tham dự đầy đủ các cuộc họp của BKS, tham gia ý kiến đầy đủ, cụ thể về nội dung họp thảo luận. Trong trường hợp Kiểm soát viên vắng mặt phải có ý kiến bằng văn bản về nội dung cần thảo luận thông qua;
5. Kiểm soát viên được Trưởng BKS phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ, sau khi kết thúc quá trình làm việc có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng BKS;
6. Tham dự các phiên họp mở rộng của HĐQT và các cuộc họp khác, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;
7. Kiểm soát viên báo cáo định kỳ và khi có yêu cầu về các nội dung công việc được phân công, tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Điều 8: Trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát

1. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát để trình HĐQT thông qua;
2. Lập chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ và phân công tổ chức thực hiện;
3. Triệu tập, chuẩn bị chương trình nội dung các cuộc họp của BKS;
4. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
5. Thay mặt BKS ký các văn bản, báo cáo thuộc thẩm quyền của BKS trên cơ sở nội dung đã được các thành viên BKS thông qua;
6. Trường hợp Trưởng BKS đi vắng thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong BKS để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Trưởng BKS.
7. Giám sát các thành viên BKS trong thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn chung;
8. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo BKS.

CHƯƠNG IV

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát

1. Mục tiêu của BKS thực hiện giám sát một cách hệ thống và có nguyên tắc đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của tổ chức.
2. BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, để thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế Ban Kiểm soát
3. BKS sẽ thực hiện các hoạt động của mình tuân theo các giá trị và quy tắc đạo đức của tổ chức, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định của pháp luật
4. Đảm bảo tính độc lập, khách quan, bảo mật thông tin và thận trọng nghề nghiệp
5. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu xét thấy cần thiết phải tiến hành kiểm tra trực tiếp tại Công ty thì các Kiểm soát viên đề xuất với Trưởng BKS những vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trưởng BKS chủ trì việc kiểm tra và thông báo bằng văn bản tới HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và đơn vị được kiểm tra. Nếu những vụ việc kiểm tra mang tính phức tạp và diện rộng, Trưởng BKS đề xuất với HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty huy động thêm một số cán bộ có năng lực, phẩm chất của các phòng, ban Công ty cùng tham gia, hoặc sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. BKS họp ít nhất 6 tháng một lần, đối với những vấn đề không yêu cầu tổ chức họp để thảo luận thì Trưởng BKS có thể lấy ý kiến các Kiểm soát viên bằng văn bản hoặc thông qua phương tiện thông tin điện tử, thời hạn tối đa để các Kiểm soát viên cho ý kiến là 05 ngày làm việc.
2. Cuộc họp BKS được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số Kiểm soát viên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong thời gian hợp lý theo quyết định của Trưởng BKS. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có hơn ½ số Kiểm soát viên dự họp.
3. Biểu quyết thông qua cuộc họp:

- Mỗi kiểm soát viên tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một kiểm soát viên (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết này.

- Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra, sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của kiểm soát viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua nếu được trên 50% số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc kiểm soát viên được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).

- Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

- Biên bản cuộc họp: Biên bản cuộc họp BKS phải có những nội dung cơ bản sau:

+ Ngày, tháng, năm họp, giờ bắt đầu, giờ kết thúc;

+ Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;

+ Thành phần tham dự họp/ những người vắng mặt;

+ Những nội dung được đưa ra trao đổi;

+ Kết luận từng vấn đề.

Biên bản họp của BKS phải được thông qua ngay sau cuộc họp và có chữ ký của các thành viên dự họp. Biên bản họp BKS phải được tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng BKS hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp;

Trưởng BKS quản lý Biên bản cuộc họp và chỉ cung cấp cho thành viên BKS, HĐQT, Tổng Giám đốc, ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG V. QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT, CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC PHÒNG, BAN TRONG CÔNG TY

Điều 11. Quan hệ với cổ đông, HĐQT, Ban điều hành và các phòng, ban trong Công ty

1. Đối với cổ đông: BKS và các Kiểm soát viên phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, chịu trách nhiệm trước Cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty. BKS có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại mỗi cuộc họp thường niên, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đối với HĐQT:

- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong quá trình hoạt động. Theo dõi việc chỉ đạo của HĐQT trong việc chấn chỉnh và xử lý sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra. Tham mưu cho HĐQT Công ty về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập hoặc đề xuất việc thuê chuyên gia. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết quả và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

- Được mời tham dự các phiên họp của HĐQT, được chất vấn các thành viên HĐQT, được tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết, nếu có ý khác với Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thì có quyền trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ trong phiên họp gần nhất.

3. Đối với Tổng Giám đốc, bộ phận, phòng ban chức năng

- Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình; Có trách nhiệm thực hiện theo kiến nghị của BKS hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với kiến nghị của BKS. Kịp thời thông báo cho BKS những yếu kém, rủi ro, thất thoát, gian lận lớn về tài sản hoặc khi có thay đổi trong hệ thống KSNB tại đơn vị

- Ban Kiểm soát được sử dụng bộ phận kiểm toán nội bộ để thực thi nhiệm vụ

- Tổng Giám đốc, Trưởng các bộ phận có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu, phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

4. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, BKS phải thông báo trước kế hoạch làm việc nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Kiểm soát viên không can thiệp vào những công việc ngoài phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình.

CHƯƠNG VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ LỢI ÍCH CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Khen thưởng, kỷ luật, thù lao và lợi ích khác của Ban kiểm soát

1. BKS, kiểm soát viên được xét khen thưởng theo quy định chung và quy định của Công ty.

2. Kiểm soát viên không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu trung thực, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do mình gây ra. Tùy vào mức độ vi phạm, kiểm soát viên có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. ĐHĐCĐ quyết định mức lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS. Mọi chi phí hoạt động của BKS được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty theo quy định. Tổng số lương, thù lao và các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng Kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

4. Kiểm soát viên có thể được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Bổ sung sửa đổi và hiệu lực thi hành

1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày
2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/4/2021 Quy chế này sẽ thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vinaconex P&C được ban hành theo Quyết định số 01/2016/QĐ-BKS ngày 30/10/2016
3. Những nội dung khác về tổ chức, hoạt động, chế độ làm việc của BKS, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, thì được thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản khác của Công ty.
4. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
5. Trong trường hợp có sự thay đổi các quy định của Điều lệ Công ty liên quan đến BKS thì Quy chế này phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ Công ty.
6. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản về BKS để BKS xem xét sửa đổi. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do BKS soạn thảo và trình ĐHĐCĐ quyết định.

T/M BAN KIỂM SOÁT



Đinh Thị Hạnh